

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HN-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v “*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Hồng Sáng.

2. Bà Hà Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn N cưới nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 01/10/2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân,

vợ chồng chị cũng không tìm cách hàn gắn được tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với anh N và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung tên là Huỳnh Hoài T, sinh ngày 18/02/1999; cháu Huỳnh Thương H, sinh ngày 14/9/2003 và cháu Huỳnh Lê Mỹ K, sinh ngày 16/7/2008. Hiện nay cháu Hoài T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Thương H và cháu K thì chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị C đối với anh Huỳnh Văn N. Về con chung: Đối với cháu Huỳnh Hoài T, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời, để cháu Huỳnh Thương H, sinh ngày 14/9/2003 và cháu Huỳnh Lê Mỹ K, sinh ngày 16/7/2008 cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, anh Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Huỳnh Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị C và anh N sống hạnh phúc đến

năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng ngồi lại giải quyết nhưng vẫn không được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị C vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh N và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh N biết việc chị C xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không đến Tòa án để thể hiện ý kiến xin hàn gắn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Hoài T, sinh ngày 18/02/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các cháu Huỳnh Thương H, sinh ngày 14/9/2003 và cháu Huỳnh Lê Mỹ K, sinh ngày 16/7/2008; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị C và anh N sống ly thân thì cháu H, cháu K vẫn do chị C nuôi dưỡng. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến xét xử anh N cũng không thể hiện ý kiến yêu cầu nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/11/2020 của Tòa án, cháu H và cháu K đều có nguyện vọng sống với mẹ và chị C cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, cháu K nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu H, cháu K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị C có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C đối với anh Huỳnh Văn N.

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Hoài T, sinh ngày 18/02/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lê Thị C có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thương H, sinh ngày 14/9/2003 và cháu Huỳnh Lê Mỹ K, sinh ngày 16/7/2008 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/11/2020 của Tòa án, cháu H và cháu K đều có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị C phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002710 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị C đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A1;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Vũ